

# KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HOA Ở NAM BỘ

TRẦN KHÁNH\*

**Tóm tắt:** Đặc thù khai phá và phát triển của vùng đất Nam Bộ đã tạo dựng nên bức tranh sinh động của các cộng đồng dân nhập cư, trong đó có cộng đồng người Hoa. Khác với các vùng miền trong cả nước, người Hoa tập trung với số lượng lớn, có vai trò lớn hơn trong phát triển kinh tế-xã hội ở khu vực này và họ trở thành một phần lịch sử của vùng đất Nam Bộ. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ khái quát hóa các giai đoạn hình thành, phát triển, trong đó chỉ ra những nhân tố chính tác động đến quá trình này cũng như sự thay đổi vị thế của họ trong xã hội Nam Bộ và những vấn đề đặt đối với tiến trình hội nhập của cộng đồng này trong bối cảnh mới hiện nay.

**Từ khóa:** Người Hoa, Hoa Kiều; Nam Bộ Việt Nam.

## 1. Dưới thời chúa Nguyễn và triều Nguyễn

Người Trung Hoa di trú có mặt ở Việt Nam từ trước Công nguyên, nhưng bước ngoặt trong sự hình thành cộng đồng người Hoa với tư cách là một thực thể xã hội-tộc người trong cơ cấu dân cư-dân tộc của Việt Nam diễn ra từ thế kỷ XVII. Nếu như ở nửa đầu thế kỷ XVII, các quần thể dân cư của người Trung Hoa di trú được hình thành ở phần lãnh thổ của miền Bắc (tiêu biểu là ở Phố Hiến) và miền Trung như ở Hội An, thì đến nửa sau thế kỷ XVII, nhất là đến cuối thế kỷ XVII, cộng đồng dân di cư này được hình thành ở vùng đất Nam Bộ với các

trung tâm chính như Biên Hòa, Sài Gòn-Chợ Lớn thuộc miền Đông Nam Bộ, ở Mỹ Tho và Hà Tiên thuộc miền Tây Nam Bộ<sup>(1)</sup>. Điểm tương đối khác biệt trong bước ngoặt hình thành cộng đồng người Hoa ở Nam Bộ so với khu vực miền Bắc và miền Trung Việt Nam thời kỳ đó là quá trình này diễn ra mạnh mẽ cả về quy mô và số lượng dân nhập cư và nó gắn liền với chính sách chiêu mộ, sử dụng dân di cư, trong đó có dân di trú Trung Hoa để thúc đẩy công cuộc khai phá vùng đất phương Nam của các chúa Nguyễn. Cùng với đó, thành phần dân nhập cư của người Trung Hoa vào vùng đất Nam Bộ không chỉ có các nhà buôn, mà còn có đông đảo dân tỵ nạn chiến tranh và

\* PGS.TSKH. Trần Khánh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

những người bất đồng chính kiến với nhà Thanh, sau khi nhà Minh bị lật đổ ở Trung Quốc vào năm 1644.

Nếu như hai tướng quân, quan cai trị của nhà Minh là Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch<sup>(2)</sup> có công lớn, góp phần tạo ra bước ngoặt trong hình thành cộng đồng người Hoa ở xứ Đồng Nai thì Mạc Cửu<sup>(3)</sup>, vừa là tướng quân, vừa là thương gia trở thành nhân vật lịch sử tạo dựng nên bức tranh sinh động của cộng đồng người Hoa tại vùng đất tận cùng phía nam của Việt Nam là Hà Tiên.

Điều đáng ghi nhận là lớp người Trung Hoa di trú mới từ cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII không chỉ là một trong những nhân tố chính tạo nên sự sầm uất về thương mại ở Nam Bộ, nhất là khu vực Đồng Nai<sup>(4)</sup>, mà còn có công lớn cùng quan chúa Nguyễn và dân di cư người Việt trong việc xác định chủ quyền của Việt Nam ở vùng đất này. Nếu như Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch và con cháu của họ đã có công hỗ trợ các chúa Nguyễn giữ vững ổn định ở Phiên Trấn, Trấn Biên và các vùng lân cận thuộc xứ Đồng Nai, chống lại sự quấy phá từ phía Chân Lạp thì Mạc Cửu và sau đó là Mạc Thiên Tích, con trai của ông, đã giúp chúa Nguyễn cai quản vùng đất rộng lớn dọc bờ biển tây nam, từ Hà Tiên đến mũi Cà Mau và vùng Tứ giác Long Xuyên. Chính sự hợp tác của của danh nhân người Hoa trên, cương vực của Việt Nam không chỉ được xác lập trên đất liền, mà còn cả trên biển, các đảo ở nam Biển Đông và vịnh Thái Lan, trong đó có đảo Phú Quốc và đảo Thổ Chu. Nhờ môi trường làm ăn thuận lợi,

người Kinh, người Trung Hoa và người Khmer ngày càng đổ về xứ sở này để sinh cư, lập nghiệp, làm cho vùng đất Nam Bộ hồi sinh sau nhiều thế kỷ gần như bị lãng quên. Từ đây Nam Bộ nhanh chóng hòa nhập chung vào guồng máy chính trị-xã hội của Đại Việt, trở thành vùng đất phát triển năng động với một bản sắc đặc trưng của văn hóa phương Nam của cộng đồng các dân nhập cư, trong đó có người Hoa.

Chúa Nguyễn, sau đó là triều Nguyễn đánh giá cao công lao của người Hoa và gốc Hoa. Họ được chính quyền nhà Nguyễn đối xử thân thiện, coi họ như là một lực lượng quan trọng để củng cố quyền lực, phát triển kinh tế và duy trì mối quan hệ hòa bình với chính quyền phong kiến Trung Hoa. Nhiều người trong số họ được chính quyền phong kiến Việt Nam ban, phong chức tước lớn như các “đại công thần”, bao gồm Trần Thượng Xuyên, Mạc Cửu, Võ Trường Toản, Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tịnh, Phan Thanh Giản, Trần Tiến Thành, Lý Văn Phức, Phạm Phú Thứ v.v. Các danh nhân nổi tiếng của người Hoa và gốc Hoa này trở thành biểu tượng của sự hội nhập giữa người Hoa và người Việt trong lịch sử. Họ là một phần lịch sử Việt Nam, nhất là trong công cuộc xác lập chủ quyền và phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội của vùng đất Nam Bộ.

## 2. Dưới thời Pháp thuộc và chính quyền Sài Gòn

### 2.1. Dưới thời Pháp thuộc

Sau khi Pháp chiếm toàn bộ Nam Kỳ (1867) và thiết lập chế độ cai trị trực tiếp tại đó, cộng đồng người Hoa, Hoa kiều có



những biến đổi lớn về lượng và chất. Dân số cộng đồng này tăng nhanh. Nếu như vào năm 1908 số Hoa kiều, người Hoa ở Nam Kỳ có khoảng 90.000 người, chiếm khoảng gần 78% dân số người Hoa, Hoa kiều cả nước thì đến 1929 con số trên tăng lên gần 249.000 người, chiếm số gần 80%. Các con số trên đến năm 1943 là 397.000 người (89%) và đến năm 1951 với con số tương ứng là 657.000 người (90%)<sup>(5)</sup>. Dân số Hoa kiều, người Hoa tăng nhanh trong thời kỳ này trước hết là do chính sách thuộc địa của Pháp, trong đó có việc thu hút nguồn lao động bổ sung cho công cuộc khai thác thuộc địa và khuyến khích kinh doanh tư bản tư nhân phát triển. Cùng với đó, sự bần cùng hóa ở Trung Quốc do các cuộc chiến tranh liên miên và sự xâm nhập ngày càng sâu rộng của tư bản phương Tây đã làm tăng sự phân hóa xã hội, khiến cho nhiều người Trung Quốc ra nước ngoài tìm cơ may. Hơn nữa, chính quyền Mãn Thanh từ cuối thập niên 90 của thế kỷ XIX không còn ngăn cấm thân dân của họ ra nước ngoài. Ngoài ra, các nhà cải cách dân chủ, trong đó có Tôn Trung Sơn từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã dựa vào cộng đồng người Hoa, Hoa kiều để làm cách mạng. Điều này cũng góp phần làm chuyển biến ý thức chính trị-tư tưởng trong giới người Hoa, Hoa kiều, làm cho nhiều người Hoa, Hoa kiều tham gia vào công cuộc đấu tranh chống phong kiến và đế quốc<sup>(6)</sup>.

Điều đáng lưu ý là người Pháp, phần nhiều giống nhà Nguyễn, dành ưu ái cho Hoa kiều, trong đó miễn thuế thân cho họ (trong khi đó kiều dân Anh và Ấn Độ phải đóng thuế này). Hơn nữa, Hoa kiều còn

được quyền trao đổi ngoại thương, được buôn bán thuốc phiện, bia rượu, trong khi đó người bản địa bị hạn chế kinh doanh các mặt hàng này. Cùng với đó, các bang của người Hoa, Hoa kiều được người Pháp cho thêm chức năng hành chính, được phép thu thuế và quản trị xã hội trong bang mình. Ngoài ra, chính quyền Pháp còn linh hoạt trong xác định địa vị pháp lý đối với người Hoa (lúc đó thường gọi là người Minh Hương), Hoa Kiều, cho phép họ được tự do lựa chọn quốc tịch<sup>(7)</sup>. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, đến cuối thời kỳ thuộc địa của Pháp, số người Minh Hương trong tổng số người Hoa, Hoa kiều ở Việt Nam chỉ chiếm khoảng 10-15%, con số còn lại là Hoa kiều<sup>(8)</sup>.

Cùng với sự năng động của người Hoa, Hoa kiều, chính sách thực dụng của người Pháp đã làm tăng thêm sự sống động của hoạt động kinh tế, văn hóa-xã hội của cộng đồng này. Cũng như trước đây, khu vực Đồng Nai, trong đó Sài Gòn, Gia Định và đặc biệt là Chợ Lớn trở thành trung tâm quyền lực không chỉ của người Hoa, Hoa kiều ở Nam Bộ, mà còn cả xứ Đông Dương. Họ không chỉ đóng vai trò nổi trội trong hoạt động nội thương, đặc biệt trong buôn bán lúa gạo, môi giới trong xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng mà còn có vị trí quan trọng trong phát triển các ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm. Để thúc đẩy thương mại, từ đầu thế kỷ XX, tại Chợ Lớn, Hoa kiều, người Hoa đã lập nên các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp như Hội Thương gia Hoa kiều Nam Kỳ (năm 1900), Tổng hội thương mại Hoa kiều Việt Nam (năm 1904) và đặc biệt là Phòng Thương mại Hoa kiều Chợ Lớn (năm 1924). Cùng



với đó, các hội kinh doanh chuyên ngành như Hội vận tải, Hội kinh doanh lúa gạo, Hội Ngân hàng, Hội xuất nhập khẩu v.v. ra đời<sup>(9)</sup>. Cùng với các tổ chức đồng hương, đồng tộc, sự hình thành và phát triển của hội đoàn nghề nghiệp của người Hoa, Hoa kiều, nhất là các tổ chức điều hành các quan hệ thương mại như kiểu Phòng thương mại đã làm tăng sức sống của cộng đồng này, trong đó có việc duy trì và phát triển bản sắc văn hóa Trung Hoa trong giới Hoa kiều, người Hoa tại Nam Bộ.

## **2.2. Dưới chính quyền Sài Gòn**

Từ nửa sau 1954, Pháp rút khỏi Việt Nam. Dưới sự bảo trợ của Mỹ, chính phủ Việt Nam Cộng hòa ra đời tại Sài Gòn vào cuối năm 1955. Dưới chính thể này, cộng đồng người Hoa, Hoa kiều có những bước thăng trầm bởi chính sách bản địa hóa về quốc tịch, tư bản ngoại kiều và bởi cuộc chiến ý thức hệ giai cấp ở Việt Nam leo thang. Để được tiếp tục sống và kinh doanh tại Việt Nam, hầu hết Hoa kiều từ cuối những năm 50 đã nhập quốc tịch Việt Nam<sup>(10)</sup>. Tính đến trước 1975, dân số người Hoa, Hoa kiều ở miền nam Việt Nam theo đánh giá là khoảng từ 1.200.000 đến 1.500.000 người, trong đó khoảng 95% tập trung ở khu vực Nam Bộ<sup>(11)</sup>.

Lợi dụng các mối quan hệ của Việt Nam Cộng hòa với thế giới tư bản, nhất là nguồn viện trợ của Mỹ và các mối quan hệ giữa người Hoa Sài Gòn-Chợ Lớn với Đài Loan, Hongkong và Singapore, người Hoa tại Nam Bộ làm ăn phát đạt hơn, trở thành một thế lực kinh tế có sức nặng trong đời sống kinh tế miền Nam. Nếu như dưới thời Pháp thuộc, các hãng buôn, xí

ngiệp kinh doanh của người Hoa, Hoa kiều chủ yếu thuộc loại vừa và nhỏ, hoạt động dưới dạng “xí nghiệp gia đình” kể cả trong cách thức điều hành, tạo vốn và tuyển chọn lao động thì dưới thời Việt Nam Cộng hòa, nhiều hãng kinh doanh của họ được đổi mới, nâng cấp trở thành tổ hợp, công ty lớn có công nghệ hiện đại nhập ngoại, nhất là trong ngành công nghiệp chế tác như vải sợi, nhựa chất dẻo, luyện gang thép. Cũng từ thời gian này, người Hoa mở rộng liên kết đầu tư với nước ngoài, nhất là với đối tác Đài Loan. Sự ra đời các hãng công ty lớn sản xuất hàng hóa thuộc ngành chế tác như Sinivina, Vinatexco, Vinatefinco thuộc ngành vải sợi, Công ty bột ngọt Thiên Hương, hãng Vicasa thuộc ngành luyện thép, Ufiplastic v.v. của người Hoa cùng với vốn đầu tư của nước ngoài, chủ yếu từ Đài Loan là một nhân tố thúc đẩy công nghiệp hóa của miền Nam lúc đó<sup>(12)</sup>.

Một điểm cần lưu ý là dưới chế độ Sài Gòn, ảnh hưởng của Đài Loan đối với cộng đồng người Hoa tại Nam Bộ trở nên sâu rộng hơn, không chỉ trong hoạt động kinh tế, mà còn cả văn hóa-xã hội, nhất là trong hệ thống học đường và trong các tổ chức bang hội, dòng họ. Đây không chỉ là một trong nhân tố quan trọng làm đổi mới hoạt động công nghiệp của người Hoa, mà còn tạo thêm sức sống về văn hóa cộng đồng này, nhất là khu vực Sài Gòn-Chợ Lớn.

## **3. Dưới thời Việt Nam thống nhất và Đổi mới**

Kể từ sau giải phóng miền Nam năm 1975, nhất là công cuộc cải tạo xã hội chủ



ngĩa ở miền Nam trong những năm 1977-1978 cũng như quan hệ Việt-Trung trở nên căng thẳng từ nửa sau thập kỷ 1970 do chính sách thù địch của Bắc Kinh đã làm xáo trộn nhiều mặt đời sống xã hội của cộng đồng người Hoa, trong đó có người Hoa ở Nam Bộ.

Trước hết là sự suy giảm dân số lớn trong cộng đồng người Hoa bởi sự ra đi ồ ạt khỏi Việt Nam của người Hoa trong năm 1978 do chính sách kích động của Trung Quốc. Nếu như năm 1976, số người Hoa, Hoa kiều ở Việt Nam năm là 1.236.000 người thì đến tháng 10 năm 1979 con số này chỉ còn khoảng 936.000 người (tức giảm trên 300.000 người)<sup>(13)</sup>. Đến năm 1989, số người Hoa ở Việt Nam tăng lên 962.000 người và giảm còn 860.000 người vào năm 1999 và tiếp tục giảm xuống con số là 823.071 người vào năm 2009<sup>(14)</sup>. Sở dĩ con số người Hoa suy giảm trong những thập niên gần đây, theo chúng tôi là do một số người Hoa không muốn ghi trong mẫu thống kê nhận mình là Hoa, mà khai là Kinh hay các dân tộc khác. Theo đánh giá của chúng tôi, hiện nay (2018) người Hoa ở Việt Nam có khoảng trên dưới 1 triệu người, chiếm khoảng 1% dân số cả nước.

Cũng như trong truyền thống, trên 90% số người Hoa ở Việt Nam tập trung sinh sống ở các tỉnh phía Nam, tập trung nhiều nhất là ở Nam Bộ. Riêng TP. Hồ Chí Minh chiếm hơn 1/2 số dân người Hoa cả nước và khoảng trên 60% người Hoa Nam Bộ. Ngoài TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh có đông người Hoa là Đồng Nai, Kiên Giang, Bạc Liêu, Bình Dương, Cần Thơ. Họ sống chủ

yếu ở các đô thị, ven trục giao thông bộ, thủy. Đây là nét khác biệt giữa người Hoa với các dân tộc thiểu số khác ở Việt Nam nói chung, ở Nam Bộ nói riêng.

Về hoạt động kinh tế, do ảnh hưởng của cải cách xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, hoạt động kinh tế của người Hoa suy giảm. Tỷ lệ người Hoa tham gia vào thương mại và dịch vụ so với tổng thể dân cư TP. Hồ Chí Minh giảm từ 70% trước 1974 xuống còn 24% vào năm 1988. Từ sau Đổi mới (1986), nhất là từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, hoạt động thương mại, dịch vụ và sản xuất hàng hóa của người Hoa được tái lập dần dần. Nhiều công ty của họ được thành lập và hoạt động có hiệu quả như Công ty may mặc Minh Phụng, Công ty dày dép Bitis, Công ty mỳ ăn liền, gia vị Việt Hương v.v. Có thể nói, trong thời kỳ đầu của công cuộc Đổi mới, các nhà doanh nghiệp của người Hoa đã có đóng góp khá lớn đối với sự phục hồi và phát triển thương nghiệp và nhiều ngành công nghiệp nhẹ ở các địa phương mà họ sinh sống. Ví dụ như ở TP. Hồ Chí Minh, đến đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, hoạt động kinh doanh của người Hoa chiếm tới 30% tổng giá trị thương nghiệp và 70% giá trị các ngành công nghiệp nhẹ của thành phố<sup>(15)</sup>.

Cần nhấn mạnh rằng, ngoài chính sách Đổi mới của Việt Nam, sự năng động và các mối quan hệ quốc tế của ngoài Hoa cũng là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy nhanh sự tái lập và phát triển các hoạt động kinh doanh của người Hoa, nhất là ở Nam Bộ. Từ khi quan hệ Việt Nam-Trung Quốc được bình thường hóa (1991), không ít



người trong số họ đã về thăm quê cha đất tổ. Ngoài quan hệ tình cảm thân tộc, thì một bộ phận khá lớn người Hoa còn có mối quan hệ thương mại, đầu tư với những người đồng hương của họ khắp nơi trên thế giới, nhất là với người Trung Hoa ở Đài Loan, Hongkong và người Hoa ở Đông Nam Á, trong đó có người Hoa ở Lào và Campuchia, nơi truyền thống có mối liên hệ chặt chẽ từ thời Pháp thuộc. Theo số liệu thống kê, cộng đồng người Hoa tại TP. Hồ Chí Minh đầu những năm 1990 có tới 55% hộ gia đình có thân nhân của họ sống ở 20 nước trên thế giới<sup>(16)</sup>. Có gần 80% các công ty trách nhiệm hữu hạn và cổ phần của người Hoa ở TP. Hồ Chí Minh được lập trong những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX chủ yếu dựa vào nguồn vốn từ thân nhân của họ ở nước ngoài giúp đỡ, nhất là từ Đài Loan<sup>(17)</sup>.

Trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy, gia tăng ảnh hưởng và quyền lực của họ ra bên ngoài, nhất là ở Đông Nam Á cũng như sự gia tăng quan hệ thương mại, đầu tư giữa Việt Nam với thế giới thì các mối quan hệ quốc tế của cộng đồng người Hoa Việt Nam, nhất là người Hoa Nam Bộ trở nên rộng lớn hơn. Mối quan hệ này không chỉ ở lĩnh vực kinh tế, mà còn cả về văn hóa-xã hội và nhiều vấn đề khác. Ví dụ như các tổ chức hội đoàn của người Hoa, Hoa kiều ở các nước, khu vực trên thế giới (như Hội đồng hương, Hội Hoa thương, Hội Tông tộc) đã bắt nối với các hội đoàn của người Hoa ở Việt Nam. Những năm gần đây, một số người Hoa, chủ yếu là ở thành phố Hồ Chí Minh đã ra nước ngoài tham dự các hội đồng hương như Hội người Quảng

Đông Quốc tế, Hội người Triều Châu Quốc tế, Hội Dòng tộc họ Lâm, họ Quách Quốc tế v.v. Cùng với đó, nhiều tổ chức dòng họ và đồng hương của người Hoa ở Việt Nam, nhất là ở TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam Bộ đã mời người nước ngoài, nhất là người Trung Hoa Đài Loan tham dự vào các tổ chức này. Ngoài ra, Ủy ban công tác Hoa kiều của Đài Loan và Ủy ban Kiều vụ của Trung Quốc Đại lục và nhiều doanh nhân, tổ chức nghiệp đoàn bằng nhiều hình thức hỗ trợ cho việc tái lập và phát triển các Bang hội của người Hoa, phát triển việc học và giảng dạy Hoa văn v.v.. Chính những lý do trên đã góp phần làm cho các Hội đoàn truyền thống của người Hoa Việt Nam, nhất là ở TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Bình Dương trong những năm gần đây phát triển rất nhanh, cả về số lượng và quy mô hoạt động, trong đó có nhiều tổ chức hoạt động không có giấy phép và rất khó quản lý<sup>(18)</sup>.

Ngoài các vấn đề như đã nêu, còn có việc người Trung Quốc, kể cả từ Đài Loan, Hongkong, Ma Cao sang Việt Nam làm việc, nhất là ở các dự án lớn do họ đầu tư hay thắng thầu. Con số này có thể lên cả trăm ngàn người và khá nhiều người trong số họ lấy vợ, gả chồng, có ý định sống lâu dài ở Việt Nam<sup>(19)</sup>. Cùng với quá trình trên, việc Trung Quốc tăng cường đầu tư tại Campuchia và Lào đã kéo theo dòng di cư lớn của người Trung Quốc vào hai nước này làm cho dân số cộng đồng người Hoa, Hoa kiều ở đó tăng lên cách đột biến (trong hai thập niên qua số người Hoa và Hoa kiều tại Campuchia tăng 14 lần và Lào tăng 10 lần)<sup>(20)</sup>. Hiện nay, tại



Campuchia có hàng nghìn người Hoa chạy nạn sang Việt Nam dưới thời Pol Pot đã trở về nước và họ có mối quan hệ khá gắn bó với người Hoa tại Đồng bằng sông Cửu Long (con số này là khoảng 5.000 người). Nhiều người trong số họ lập nên các nông trường, trang trại, mở sòng bạc dọc theo biên giới Campuchia - Việt Nam v.v. Các quá trình trên đã và đang tác động không nhỏ đến hoạt động kinh tế, văn hóa-xã hội cũng như gia tăng các mối quan hệ quốc tế của cộng đồng người Hoa ở Việt Nam nói chung, Nam Bộ nói riêng.

### Kết luận

Có phần khác với các vùng miền trong cả nước, cộng đồng người Hoa với tư cách là một nhóm cộng đồng xã hội-tộc người, có mặt thường xuyên và tương đối ổn định trong cơ cấu dân cư-dân tộc ở Nam Bộ hình thành muộn hơn, vào khoảng cuối thế kỷ XVII, nhưng có số lượng áp đảo và đóng vai trò quan trọng việc khai phá, phát triển vùng đất phương nam của Việt Nam. Quá trình phát triển của cộng đồng này không chỉ là sự cấu kết tự thân và lao động sáng tạo của những người Trung Hoa di trú và con cháu của họ qua nhiều thế hệ, mà còn gắn liền với chính sách của các chính thể cầm quyền ở Việt Nam và môi trường quốc tế, nhất là chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Mỗi khi chính quyền bản địa đối với người Hoa và quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc trở nên thân thiện, thì người Hoa có nhiều đóng góp và hội nhập tốt hơn vào vào xã hội Việt Nam.

Do ở Nam Bộ tập trung tới 90% người Hoa Việt Nam, trong đó TP. Hồ Chí Minh chiếm tới 50% người Hoa cả nước và 60%

người Hoa của khu vực này, nơi là đầu tàu kinh tế, có sự giao lưu quốc tế sâu rộng nên việc tận dụng tiềm năng của người Hoa trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của Nam Bộ và cả nước luôn được nhà nước đặt ra và quan tâm lớn. Trong bối cảnh trỗi dậy của Trung Quốc và gia tăng hội nhập ASEAN, nơi có đông người Hoa sinh sống, cộng đồng người Hoa Nam Bộ có thêm cơ hội để phát huy khả năng của mình, trong đó có các mối quan hệ đồng hương, đồng chủng của họ trong khu vực và trên thế giới. Điều này, một mặt, góp phần thu hút đầu tư và mở rộng quan hệ bạn hàng của vùng Nam Bộ, mặt khác cũng có thể làm tăng hay khơi dậy ý thức cội nguồn của dân tộc Trung Hoa trong giới người Hoa bởi sự phát triển khá mạnh của các hội đoàn truyền thống của họ với sự hỗ trợ ngày càng lớn từ bên ngoài, nhất là từ phía Đài Loan và Trung Quốc Đại lục./.

---

### CHÚ THÍCH

1. Theo "Gia định thành thông chí" của Trịnh Hòa Đức, thì đến những năm 30 của thế kỷ XVII, tại khu vực Đông Nam Bộ đã có nhiều người Trung Hoa di trú định cư. Các làng, xóm mới dần dần được hình thành, trong đó "người Kinh, người Trung Quốc, người Cao Miên làm nhà ở liền nhau, kết thôn hợp chợ để đón lợi chằm sông rừng núi" (Xem thêm: Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội 1998, tr. 51).
2. Theo sử sách, vào tháng Giêng năm Kỷ Mùi (1679), có tới 50 chiến thuyền với gần 3.000 người Trung Hoa do Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên chỉ huy, vượt biển đến cửa biển Tư Dung (Tư Hiền) của



Thừa Thiên-Huế và cửa biển Đà Nẵng xin chúa Nguyễn cho làm dân ty nạn. Chúa Nguyễn lúc đó là Nguyễn Phúc Tần đồng ý cho họ đi vào khu vực sông Đồng Nai để định cư (Xem thêm: *Đại Nam thực lục Tiên biên*, Tập 1, Hà Nội, 1962, tr-122-125).

3. Mạc Cửu (Mo Jiu) (1655-1735) quê gốc Lôi Châu thuộc tỉnh Quảng Đông. Do không thân phục nhà Thanh, vào năm 1671, Mạc Cửu đã đưa khoảng 400 người Trung Hoa, gồm cả gia đình và người thân vượt biển đến vùng đất khá hoang vu bên bờ vịnh Thái Lan lúc đó gọi là Peam thuộc quyền kiểm soát của Chân Lạp. Tại đây Mạc Cửu tổ chức lại các nhóm di dân, mở phố xã, xây thành lũy, đẩy mạnh khai hoang, lập ra bảy thôn trải dài theo ven biển từ Kompong Som về tận Cà Mau. Từ cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, vùng đất ven biển này đã trở thành vùng đất cát cứ của Mạc Cửu và hầu như hoàn toàn độc lập, không còn phụ thuộc vào chính quyền Chân Lạp. Do chính quyền Chân Lạp lâm vào nội chiến, suy yếu, không thể nhờ cậy vào họ để củng cố thế lực của mình, vào năm 1708, Mạc Cửu “ủy cho người bộ thuộc là Trương Cầu và Lý Xã dâng thư xin làm Hà trưởng”. Chúa Nguyễn Phúc Chu chấp nhận yêu cầu của họ Mạc, lấy lãnh địa của họ Mạc đặt thành trấn Hà Tiên, phong cho Mạc Cửu làm chức Tổng binh để cai quản đơn vị hành chính mới này (Xem thêm: *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 5, Hà Nội: Nxb. KHXH, 1971, tr. 6.; *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sdd, tr. 122).
4. Theo sử sách ghi lại, từ cuối thế kỷ XVII, có nhiều thương gia người Á Rập, Nhật Bản, Ấn Độ và Âu châu đến xứ Đồng Nai để trao đổi hàng hóa (Xem thêm: *Đại Nam thực lục Tiên biên*, Tập 1, Sdd, tr. 125).
5. Xem thêm: *Việt Nam niên giám thống kê*, Quyển 2 (1950-1951), Sài Gòn, 1952, tr. 24 và 27; Quyển 3 (1951-1952), Sài Gòn, 1953, tr. 21 và 25; *With Sweat & Abacus - Economic Roles of Southeast Asian Chinese on the Eve of World War II* by Fukuda Shozo (Translated by Les Oates, Edited by George Hicks), Singapore, Select Books, 1995, pp. 86 -90. Trần Khánh (2002), *Người Hoa trong xã hội Việt Nam* (Thời Pháp thuộc và dưới chế độ Sài Gòn), Hà Nội: Nxb. KHXH, tr. 96-98.
6. Xem thêm: Dany Wong Tze-Ken (1995), *The Contribution of Vietnamese Chinese to the 1911 Revolution in China*, *Sejural Jurnal Jabatan Sejanuniversity Malaya*, No. 3, pp. 129-150; Nguyễn Thị Hương (2011), *Tôn Trung Sơn xây dựng các tổ chức cách mạng trong cộng đồng người Hoa, Hoa kiều ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, Số 5, 2011; Trần Khánh (2002), *Người Hoa trong xã hội Việt Nam*, *Sách đã dẫn*, tr. 248-251.
7. Năm 1871, Pháp thừa nhận quy định của Triều Nguyễn và coi người Minh Hương như người bản xứ. Tuy nhiên đến năm 1883, chính quyền thuộc địa Pháp lại ra quy định mới, coi những người Minh Hương sinh ra ở Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng sẽ lấy theo quốc tịch bố. Đến năm 1916, họ lại ra quyết định mới, theo đó tất cả những người Minh Hương sinh ra ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ lấy quốc tịch Trung Quốc. Nhưng đến năm 1933, chính quyền Pháp quy định mới, theo đó người Minh Hương và con cháu của họ sinh trước năm 1933 có thể tự do lựa chọn quốc tịch của mình, có thể trở thành Hoa kiều, có thể trở thành “công dân của Pháp tại châu Á” hoặc công dân một nước thứ 3 nếu như họ đóng một khoản lệ phí cho chính quyền Pháp. Sau 1933, người Minh Hương không được coi là Hoa kiều, mà là “công dân của Pháp ở châu Á” (Xem thêm: Tsai Maw Kuey (1968), *Les Chinois au Sud-Vietnam*, Paris, Bibliotheque Nationals, 1968, 53-55,
8. Xem thêm: Tsai Maw Kuey (1968), *Les Chinois au Sud-Vietnam*, Paris, Bibliotheque Nationals, 1968, p. 54-55; Tân Việt Điều (1961), *Lịch sử Hoa kiều tại Việt Nam*, Tạp chí Văn hóa nguyệt san, Số 65, tháng 10-1961, 1212/8.



9. Xem thêm: Châu Hải (1992), *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*, Hà Nội, Nxb. KHXH, 1992, tr. 72-75.
10. Theo số liệu thống kê của chính quyền Sài Gòn, số Hoa kiều vào cuối 1955 tại miền Nam Việt Nam là 621.000 người, sau 3 năm (năm 1958) giảm còn 3.000 người và đến năm 1961 chỉ còn lại khoảng 2.000 Hoa kiều chưa nhập quốc tịch. Phần lớn trong số còn lại này là những người mang quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan). Những Hoa kiều đã nhập quốc tịch Việt Nam được chính quyền Sài Gòn gọi là “người Việt gốc Hoa” (Xem thêm: Victor Purcell (1980), *The Chinese in Southeast Asia* (2-ed), Oxford University Press, Kuala-Lumpur, 1980, pp. 215-216; Trần Khánh (2002), *Người Hoa trong xã hội Việt Nam*, tr.119-121; Tsai Maw Kuey (1968), *Les Chinois au Sud-Vietnam*, pp.52-85.
11. Theo đánh giá của Wu Yuan- Li và Wu Chun- Shi trong cuốn *“Economic Development in Southeast Asia-The Chinese Dimension”* xuất bản tại Hoover Institution, California năm 1980, tại trang 133 thì con số người Hoa, Hoa kiều tại Miền Nam Việt Nam là khoảng 2.000.000.000. Còn theo tác giả Ramses Amer trong cuốn *“The Ethnic Chinese in Vietnam and Sino- Vietnamese Relation”*, xuất bản tại Kuala Lumpur năm 1991, ở trang 106 đưa ra con số người Hoa, Hoa kiều cả nước Việt Nam vào năm 1976 là 1.236.000 người.
12. Tran Khanh (1993), *The Ethnic Chinese and Economic Developmet in Việt Nam*, Singapore: ISEAS, 1993, pp. 63-70.
13. Theo con số khác đã công bố thì trong những năm 1977-1978, có khoảng 230.000 người Hoa, Hoa kiều vượt đường bộ chạy sang Trung Quốc và khoảng 200.000 người Hoa, Hoa kiều khác vượt biển sang Hongkong và các nước Đông Nam Á (Xem thêm: *The Hoa in Vietnam*, Dossiers, Hà Nội, 1978, p.19; Chang Pap-min (1982), *Beijing, Hanoi and Overseas Chinese*, Institution of East Asian Studies, University of California, 1982, p.57.
14. Xem thêm: *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam: năm 1989, năm 1999, năm 2009 và năm 2014*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
15. Trịnh Bá Tựu (1993), *Hệ thống ngân hàng Việt Nam với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Số 3, 1993, tr. 35.
16. Ban công tác người Hoa thành phố và Ban Dân tộc học - Viện Khoa học xã hội TP. Hồ chí Minh (1992), *Phát huy tiềm năng của người Hoa trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Hồ Chí Minh 1991-2000*, TP. Hồ Chí Minh, 1992, tr. 9.
17. Xem thêm: Bản tin người Hoa (1998), *“Người Hoa Nam bộ trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa”*, số 10-11, 1998, tr. 5.
18. Tính đến đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, tại Việt Nam có 362 tổ chức hội đoàn của người Hoa với các hình thức tổ chức như hội quán, dòng họ, hội bảo trợ, câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao.
19. Con số Hoa kiều rất khó dự đoán, có thể có khoảng 50.000 người, trong số họ có cả người Đài Loan, Hongkong và người Hoa từ các nước Đông Nam Á. Ngoài ra có một lượng lớn di dân từ Trung quốc Đại lục (con số có thể lên tới từ 70-100 ngàn người đến làm việc tại các dự án lớn do Trung Quốc đầu tư hay thặng thâu và di cư tự do đến làm ăn, buôn bán tại Việt Nam (Xem thêm: Zhuang Goutu , Wang Wangbo (2010), *Migration and Trade-The role of Overseas Chinese in Economic Relation between Chian and Southeast Asia*, International Journal of China Studies, Vo.1, No. 1, January, 2010, p. 189.
20. Trần Khánh (2016), *Biến động về dân số và địa bàn cư trú của cộng đồng người Hoa, Hoa kiều trên thế giới từ thập niên đầu thế kỷ XXI*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 7, 2016, tr. 9.